

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 8 đến 14/10/2024)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-60mm, có nơi trên 90mm như: Yên Bái 96.3mm, Văn Chấn (Yên Bái) 161.4mm, Sa Pa (Lào Cai) 109.5mm, Phố Ràng (Lào Cai) 117.2mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái lớn hơn TBNN cùng kỳ 80%. Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang lớn hơn TBNN cùng kỳ 56%
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 51%, sông Lô tại Tuyên Quang lớn hơn TBNN cùng kỳ 14%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa khu vực miền núi phía Bắc: phổ biến từ 30-60mm, có nơi trên 90mm.
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 60mm như: Mai Châu (Hòa Bình) 71.4mm, Chi Nê (Hòa Bình) 60.1mm, Ba Vì (Hà Nội) 63.4mm,...
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Sông Đà: lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN 24%.
+ Sông Thái Bình: Trong tuần qua mực nước các sông thuộc hệ thống biến đổi chậm theo xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn 48% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 71%.
+ Hạ lưu sông Hồng: Dòng chảy 3 ngày đầu tuần ở mức cao do ảnh hưởng của

lũ trên sông Thao, sau đó biến đổi chậm với xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 30%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Sông Đà: lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn 4% so với TBNN.

+ Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ ít biến đổi so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ là 11%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ là 84%.

+ Hạ lưu sông Hồng: Dòng chảy biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 7%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm, có nơi trên 100mm như: Hội Xuân (Thanh Hóa) 161.7mm, Hoàn Sơn (Hà Tĩnh) 167.8mm, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 189.1mm,...

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 52%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 58%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 69%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn hơn khoảng 67%

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 5-15mm; phía Nam phổ biến 30-60mm, có nơi trên 60mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 6%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 58%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 72%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 65%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 80-120mm, có nơi trên 170mm như: Ba Đồn (Quảng Bình) 171.2mm, Đông Hà (Quảng Trị) 177.1mm, Nam Đông (Thừa Thiên Huế) 223.8mm; phía Nam phổ biến 30-80mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) thấp hơn TBNN cùng kỳ 18%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn lần lượt là 35% và 47%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 80-170mm, có nơi trên 180mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch thấp hơn TBNN cùng kỳ 29%, sông Thu Bồn (Quảng Nam), sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn TBNN 53% và 42%.

1.5. Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn 70% , sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 92%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) ở mức TBNN, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 24%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 79%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN <67% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng ở mức <4% so với TBNN.

1.6. Tây Nguyên

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm; riêng Lâm Đồng phổ biến 60-120mm, có nơi trên 120mm như Bảo Lộc 134.4mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Thanh Bình ở trên mức BĐ2. Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến giảm so với tuần vừa qua, riêng sông Cam Ly lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 21%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 92%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 52%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-120mm, có nơi trên 150mm: An Giang (Châu Đốc) 158.1mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 80-120mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức cao hơn TBNN 10-12%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/10/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/10/2024

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày (hoặc 10 ngày) qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo							Tổng	So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7		
Miền núi phía Bắc	Tam Đường	19.9	<43	0.1	0.4	0	0.1	0	0	0.2	0.8	<98
	Sơn La	60.8	>185	0	0	0	0	0.1	0.4	0	0.5	<96
	Lào Cai	85.6	>231	0	0	0	0	1.3	2.6	0.5	4.4	<82
	Yên Bái	96.3	>136	0	0	0	0	0.4	0.5	0	0.9	<98
	Tuyên Quang	6	<85	0	0	0	0	0.2	0.8	0.6	1.6	<91
	Hà Giang	41.1	<25	0	0	0	0	0.4	0.6	0.3	1.3	<95
	Cao Bằng	10.1	<40	0	0	0	0	0.1	0.7	1.2	2	<87
Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Lạng Sơn	0	<100	0	0	0	0	0	0.2	0	0.2	<99
	Hòa Bình	14	<70	0	0	0	0	1.5	0.7	4.2	6.4	<87
	Bắc Giang	4.7	<73	0	0	0	0	0.8	0.3	0	1.1	<95
	Quảng Ninh	0	<100	0	0	0	0.2	0.4	0	0.7	1.3	<94
	Láng	3.4	<89	0	0	0	0	0.7	0.2	2.2	3.1	<88
	Thái Bình	0.3	<99	0	0	0	0	0.5	0.1	1.6	2.2	<92
Bắc Trung Bộ	Nam Định	12.5	<63	0	0	0	0	0.4	0.1	1.4	1.9	<95
	Thanh Hoá	93	>47	0	0	0	0	5.3	0.3	6.1	11.7	<74
	Vinh	37.7	<65	1.3	0.3	0.2	1.1	7	12.7	11.3	33.9	<68
Trung Trung Bộ	Hà Tĩnh	24.9	<85	1.3	0.8	0.3	2.4	9.9	20.6	16.4	51.7	<67
	Huế	106.2	<39	27.8	1.3	4.4	29.8	53.8	28.2	23.8	169.1	<16
Nam Trung Bộ	Quảng Ngãi	42.7	<65	13.8	8.7	16.1	18	30.4	11.7	9.3	108	<14
	Nha Trang	15.6	<74	23	1.5	25.8	31.5	9.5	16.8	13	121.1	>135
Tây Nguyên	Kon Tum	11.5	<82	4.5	1	3	1.9	5.2	8.9	8.9	33.4	<18
	Buôn Mê Thuột	32.1	<55	5.7	1.8	11.8	4.7	8.8	10.6	10.1	53.5	>10
Nam Bộ	Biên Hòa	91.4	>14	4.1	18	7	9.2	16.1	7	11.1	72.5	<2
	Cần Thơ	48.1	<31	12.1	9.1	2.9	15.8	12.4	5.4	5.5	63.2	>5

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/10/2024

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/10/2024								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	1211	> 24	160	156	151	147	156	138	138	1037	> 4
Thao	Yên Bái	905	> 80	43	41	37	35	32	29.0	28	245	< 51
Lô	Tuyên Quang	915	> 56	70	69	69	69	68	68	67	480	> 14
Cầu	Gia Bảy	81.2	> 48	5.5	4.92	4.9	4.5	4.5	4.0	3.7	32	> 11
Lục Nam	Chũ	12.1	< 71	1.1	0.9	0.8	0.7	0.5	0.7	0.9	5.4	< 84
Hồng	Hà Nội	2166	> 30	213	217	222	226	226	222	217	1542	< 7
Mã	Cắm Thủy	575	> 52	47.6	47.6	48.1	48.6	49.6	55.1	54.1	351	> 6
Cả	Yên Thượng	417	< 58	42.4	42.4	42.9	43.3	44.2	49.1	48.2	313	< 56
La	Hòa Duyệt	117	< 67	10.3	10.3	10.4	10.5	10.7	11.9	11.7	75.6	< 65
Tả Trạch	Thượng Nhật	16	< 18	2.3	2.6	2.9	3	2.9	2.6	2.6	18.9	< 29
Thu Bồn	Nông Sơn	132	< 35	25	23.2	22.4	21.6	20.7	20.0	20	153	< 53
Trà Khúc	Sơn Giang	82.3	< 47	20.1	19.1	17.3	16	16	13.0	12.4	114	< 42
Ba	Củng Sơn	27.5	< 92	4.3	5.2	13.8	17.3	21.6	19.0	15.6	96.8	< 67
Cái N,T	Đồng Trăng	31.7	> 1	4.2	4.3	4.5	4.8	5.2	4.8	4.5	32.1	< 4
ĐăkBlá	KonTum	9.4	< 91	1.1	1.1	1.1	1.1	1.2	1.2	1.3	8.1	< 92
Srêpôk	Giang Sơn	62.9	< 21	7.4	6.9	6.2	5.5	5.7	6.1	6.4	44	< 52
Tiền	Tân Châu			2022	1967	1911	1863	1967	1982	1990	13701	> 12
Hậu	Châu Đốc			398	393	387	385	387	390	393	3283	> 10